

Số: 127/2026/HNGĐ – ST.

Ngày: 12/02/2026.

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: **Bà Lê Hương Giang.**

Hội thẩm nhân dân : **Ông Nguyễn Văn Hành.**

Bà Nguyễn Thị Xuân Mai.

Thư ký phiên toà: **Bà Từ Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Hoàng Phương** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 521/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Đinh Thị M**, sinh ngày 05/01/1985. (Có mặt).

Căn cước số: 037185000028.

Nơi thường trú: Số A ngách A T, phường Đ, Hà Nội.

Nơi ở: 5B T12 tập thể Z179, xã T, Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Phạm Minh T**, sinh ngày 03/10/1980. (Vắng mặt).

CCCD số: 001080000103.

Nơi cư trú: A5/5 Tập thể nhà máy P, xã Đ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - chị Đinh Thị M trình bày:

- **Về tình cảm**: Chị và anh Phạm Minh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện T (nay là UBND xã T), Hà Nội ngày 28/04/2014. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị và anh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sinh sống tại tập thể nhà máy P - V. Chị sinh sống tại đây đến năm 2017, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị và 2 con đã chuyển ra thuê nhà tại 5B T12 tập thể Z179, xã T, Hà Nội và sinh sống ổn định cho tới nay.

Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến khoảng 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T thiếu trách nhiệm với gia đình. Ngoài ra, chị còn nghi ngờ anh T có quan hệ tình cảm khác ngoài xã hội. Khi chị trao đổi với anh T, tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà còn dẫn đến cãi vã to tiếng ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và các con. Kể từ khi chị và các con chuyển tới địa chỉ 5B T12 tập thể Z179, xã T, Hà Nội sinh sống, anh T không đến thăm các con và vợ chồng anh

chị cũng không gặp nhau để nói chuyện về việc vợ chồng có tiếp tục nuôi con, chung sống tiếp với nhau hay không. Mấy năm nay, việc nuôi con do một mình chị lo liệu, anh T không đóng góp, hỗ trợ gì. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Minh T.

- **Về con chung:** Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Mai Trúc A, sinh ngày 08/02/2010 và Phạm Minh Q, sinh ngày 24/03/2014.

Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là cháu Trúc A và cháu Q, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Hiện chị đang làm tại phòng kinh doanh Công ty cổ phần T1 – Chi nhánh N - T, có mức thu nhập 25.000.000 đồng/tháng, nhà chị và các con đang ở là nhà chị thuê có hợp đồng dài hạn, đảm bảo cho các con được có điều kiện sống, học tập tốt nhất.

- **Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần tuy nhiên anh Phạm Minh T vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến gửi Tòa án và cũng không có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa chị Đinh Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng trước đây. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Minh T và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không đề nghị tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tất cả các buổi làm việc với Tòa án nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị M. Chị Đinh Thị M được ly hôn với anh Phạm Minh T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Mai Trúc A, sinh ngày 08/02/2010 và Phạm Minh Q, sinh ngày 24/03/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Minh T đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản và các yêu cầu khác: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Án phí: Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Minh T có nơi cư trú tại A Tập thể nhà máy P, xã Đ, Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, qua trao đổi với trưởng thôn khu tập thể nhà máy P, xã Đ, Hà Nội được biết anh Phạm Minh T hiện không có mặt tại A5/5 Tập thể nhà máy P, xã Đ, Hà Nội, không rõ anh T hiện đang ở đâu và làm gì.

Vì vậy xác định được địa chỉ tại A Tập thể nhà máy P, xã Đ, Hà Nội là nơi cư trú cuối cùng của anh T. Nhận thấy người khởi kiện là chị Đinh Thị M đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của anh T trước khi anh T chuyển đi. Anh T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền là trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn nên Tòa án xác định bị đơn đã cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến quá trình giải quyết vụ án và giải quyết vụ án vắng mặt anh Phạm Minh T theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Đinh Thị M và anh Phạm Minh T là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện T (nay là UBND xã T), Hà Nội.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, đã xác định vợ chồng chị Đinh Thị M và anh Phạm Minh T trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hai bên không tìm được tiếng nói chung và thiếu sự quan tâm, chia sẻ. Cả hai đã sống ly thân. Chị M không biết anh T hiện đang ở đâu.

Việc anh T cố tình giấu địa chỉ một thời gian dài đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống hôn nhân của anh, chị và thể hiện việc anh T không có ý thức vun đắp, xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị Đinh Thị M và anh Phạm Minh T không đạt được khiến cho mâu thuẫn giữa anh, chị ngày càng trầm trọng và không thể hoà giải được. Nay chị M làm đơn xin ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về con chung:

Chị Đinh Thị M và anh Phạm Minh T có 02 con chung là Phạm Mai Trúc A, sinh ngày 08/02/2010 và Phạm Minh Q, sinh ngày 24/03/2014. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ khi chị M và anh T ly thân đến nay cả 02 con đều ở với mẹ, chị M có đầy đủ điều kiện nuôi con và đảm bảo được sự phát triển ổn định của các cháu và đảm bảo được sự phát triển toàn diện của các cháu, cháu Trúc A và cháu Q đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử thấy giao cháu Phạm Mai Trúc A và cháu Phạm Minh Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nhà ở chung:

Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí: Chị M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo chị M và anh T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

Xử:

I. Về quan hệ hôn nhân:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị M.
2. Chị Đinh Thị M được ly hôn với anh Phạm Minh T.

II. Về con chung:

Chị M và anh T có 02 con chung là Phạm Mai Trúc A, sinh ngày 08/02/2010 và Phạm Minh Q, sinh ngày 24/03/2014.

Giao 02 con chung cháu Phạm Mai Trúc A và cháu Phạm Minh Q cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

III. Về tài sản chung:

Chị Đinh Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

IV. Về án phí:

Chị Đinh Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0019554 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

V. Về quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị M có mặt có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Phạm Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội ;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
- UBND thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì (nay là UBND xã Thanh Trì), Hà Nội (số 43, quyền số 01/2014, ngày 28/04/2014) ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hương Giang